

DANH SÁCH KẾT QUẢ THI VÒNG 1

Môn: Kiến thức chung

STT	Số báo danh	Họ tên		Giới tính	Năm sinh	Quê quán	Kết quả
1	CV01	Nguyễn Ngọc	Anh	Nữ	10/7/2000	Hải Phòng	37/60
2	CV02	Hoàng Tuấn	Anh	Nam	18/4/1993	Hà Nội	Không dự thi
3	CV03	Trương Quang	Anh	Nam	7/8/1995	Ninh Bình	26/60
4	CV04	Nguyễn Quang	Công	Nam	30/01/1996	Hà Nội	32/60
5	CV05	Nguyễn Bá	Cường	Nam	21/7/1993	Bắc Ninh	35/60
6	CV06	Nguyễn Lê	Cường	Nam	28/12/1994	Gia Lai	28/60
7	CV07	Nguyễn	Duy	Nam	15/5/2001	Quảng Ngãi	35/60
8	CV08	Nguyễn Thành	Duy	Nam	10/11/1999	Hà Nội	36/60
9	CV09	Nguyễn Duy	Dương	Nam	01/6/1985	Hà Nội	38/60
10	CV10	Đỗ Trọng	Dương	Nam	24/5/1995	Quảng Ninh	Không dự thi
11	CV11	Nguyễn Thị Thùy	Dương	Nữ	19/10/2003	Bắc Ninh	35/60
12	CV12	Trần Tấn	Dũng	Nam	3/12/2001	Hà Nội	34/60
13	CV13	Nguyễn Quốc	Đạt	Nam	23/10/1990	Ninh Bình	46/60
14	CV14	Đinh Quang	Đông	Nam	03/08/1988	Quảng Ninh	33/60
15	CV15	Lê Thị Quỳnh	Giang	Nữ	09/5/2003	Hà Tĩnh	26/60
16	CV16	Nguyễn Mai	Hà	Nam	18/01/1997	Hung Yên	38/60
17	CV17	Mai Minh	Hằng	Nữ	16/02/2000	Hà Nội	29/60
18	CV18	Phạm Anh	Huy	Nam	12/06/2001	Hung Yên	30/60
19	CV19	Trịnh Quang	Huy	Nam	17/11/2003	Hà Nội	25/60

20	CV20	Dương Ngọc	Hung	Nam	20/5/1993	Hung Yên	44/60
21	CV21	Nguyễn Đức	Hiếu	Nam	29/01/1999	Hà Nội	Không dự thi
22	CV22	Vũ Hải	Hoàng	Nam	30/9/1998	Hà Nội	38/60
23	CV23	Phan Đăng	Hoàng	Nam	20/8/1997	Ninh Bình	Không dự thi
24	CV24	Trương Thị	Linh	Nữ	20/01/1998	Ninh Bình	Không dự thi
25	CV25	Hoàng Đức	Long	Nam	10/12/1991	Hung Yên	40/60
26	CV26	Trần Văn	Nam	Nam	12/8/2000	Thái Nguyên	37/60
27	CV27	Hà Hoài	Nam	Nam	22/03/2002	Phú Thọ	32/60
28	CV28	Nguyễn Thùy	Ninh	Nữ	24/6/2001	Hà Nội	39/60
29	CV29	Dương Ngọc	Ngân	Nữ	17/6/1997	Thái Nguyên	37/60
30	CV30	Vũ Thị Thúy	Ngân	Nữ	11/11/1993	Hà Nội	38/60
31	CV31	Trần Mỹ	Nhung	Nữ	30/8/1996	Ninh Bình	39/60
32	CV32	Nguyễn Trường	Tân	Nam	30/7/1983	Ninh Bình	23/60
33	CV33	Hoàng Thanh	Tùng	Nam	09/12/1992	Hải Phòng	37/60
34	CV34	Bùi Ngọc	Tuyền	Nam	14/8/1985	Ninh Bình	32/60
35	CV35	Vi Thị Kim	Tuyền	Nữ	14/8/2000	Cao Bằng	33/60
36	CV36	Nguyễn Thị	Thảo	Nữ	27/01/1991	Hung Yên	30/60
37	CV37	Nguyễn Xuân	Thành	Nam	11/01/2001	Hà Nội	33/60

DANH SÁCH THÍ SINH THAM DỰ THI VÒNG 2
Môn: Nghiệp vụ chuyên ngành

STT	Số báo danh	Họ tên		Giới tính	Năm sinh	Quê quán
1	CV01	Nguyễn Ngọc	Anh	Nữ	10/7/2000	Hải Phòng
2	CV04	Nguyễn Quang	Công	Nam	30/01/1996	Hà Nội
3	CV05	Nguyễn Bá	Cường	Nam	21/7/1993	Bắc Ninh
4	CV07	Nguyễn	Duy	Nam	15/5/2001	Quảng Ngãi
5	CV08	Nguyễn Thành	Duy	Nam	10/11/1999	Hà Nội
6	CV09	Nguyễn Duy	Dương	Nam	01/6/1985	Hà Nội
7	CV11	Nguyễn Thị Thùy	Dương	Nữ	19/10/2003	Bắc Ninh
8	CV12	Trần Tấn	Dũng	Nam	3/12/2001	Hà Nội
9	CV13	Nguyễn Quốc	Đạt	Nam	23/10/1990	Ninh Bình
10	CV14	Đinh Quang	Đông	Nam	03/08/1988	Quảng Ninh
11	CV16	Nguyễn Mai	Hà	Nam	18/01/1997	Hung Yên
12	CV18	Phạm Anh	Huy	Nam	12/06/2001	Hung Yên
13	CV20	Dương Ngọc	Hưng	Nam	20/5/1993	Hung Yên
14	CV22	Vũ Hải	Hoàng	Nam	30/9/1998	Hà Nội
15	CV25	Hoàng Đức	Long	Nam	10/12/1991	Hung Yên
16	CV26	Trần Văn	Nam	Nam	12/8/2000	Thái Nguyên
17	CV27	Hà Hoài	Nam	Nam	22/03/2002	Phú Thọ
18	CV28	Nguyễn Thùy	Ninh	Nữ	24/6/2001	Hà Nội
19	CV29	Dương Ngọc	Ngân	Nữ	17/6/1997	Thái Nguyên
20	CV30	Vũ Thị Thúy	Ngân	Nữ	11/11/1993	Hà Nội

Handwritten signature

21	CV31	Trần Mỹ	Nhung	Nữ	30/8/1996	Ninh Bình
22	CV33	Hoàng Thanh	Tùng	Nam	09/12/1992	Hải Phòng
23	CV34	Bùi Ngọc	Tuyền	Nam	14/8/1985	Ninh Bình
24	CV35	Vi Thị Kim	Tuyền	Nữ	14/8/2000	Cao Bằng
25	CV36	Nguyễn Thị	Thảo	Nữ	27/01/1991	Hung Yên
26	CV37	Nguyễn Xuân	Thành	Nam	11/01/2001	Hà Nội

